

KẾT QUẢ VÀ TRIỂN VỌNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG MỘT SỐ GIỐNG LÚA MỚI TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

HỒ ĐẮC SONG

TRONG 4 yếu tố của sản xuất nông nghiệp « nước, phân, cần, giống », thì 3 yếu tố: nước, phân bón, và lao động, đến một trình độ văn minh nào đó, người ta có thể đáp ứng được yêu cầu cần thiết và sẽ ổn định được trong một thời gian tương đối dài. Nhưng yếu tố giống thì luôn luôn biến chuyển, vì yêu cầu của con người về việc nâng cao chất lượng giống là không bao giờ thỏa mãn.

Riêng về giống lúa, thì quá trình phát triển nền kinh tế nông nghiệp của chúng ta cũng là quá trình xây dựng và hoàn thiện không ngừng cơ cấu một bộ giống lúa mới.

Trong kháng chiến chống Pháp, chúng ta chỉ có vụ lúa chiêm và vụ lúa mùa, đồng ruộng chưa được cải tạo, phân chuồng ít, phân hóa học rất hiếm, nên lúc bấy giờ ta chỉ có thể sử dụng được một số giống lúa cũ của các địa phương, được xác định qua kinh nghiệm sản xuất thực tế của nông dân, như Chiêm chanh, Chiêm bầu, Sài đường, Ba lá, Tép, Sánh cầm khê (vụ lúa chiêm); Ba trắng, Bát nguyệt (vụ lúa mùa sớm); các loại di, các loại tám, các loại hom hiện (vụ lúa chính vụ)...

Đặc tính sinh vật của các giống lúa trên là: cao cây (120 cm trở lên), đốt dài, dễ không gọn, tán xoe, dễ đổ, ít chịu phân, có khả năng chống chịu sâu bệnh, tuy năng suất không cao, (13-15 tạ/ha) nhưng các giống lúa này lại phù hợp với thực tế đồng ruộng lúa bấy giờ.

Hòa bình lập lại (1954) trên nửa đất nước, cải cách ruộng đất hoàn thành ở miền bắc; các hợp tác xã phát triển; công trình đại thủy nông, trung thủy nông, bờ thửa, bờ vùng được thực hiện; phân chuồng, phân xanh, bèo dâu tăng; phân hóa học, thuốc trừ sâu được nhập

nội, đồng thời với việc xây dựng nhà máy phân đạm vô cơ v.v..., từ đấy, bộ giống lúa cũ không còn thích hợp nữa, nó đòi hỏi phải được thay thế bằng một bộ giống lúa mới, có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Sau những năm 1956-1957, ở miền bắc, một vụ lúa mới — vụ lúa xuân được phát triển, dần dần tỷ lệ diện tích vụ lúa chiêm từ 70-80%, đến thời điểm này chỉ còn 30%. Đến nay, thời vụ lúa đã và đang có những thay đổi sâu sắc.

Ở miền bắc, vụ đông-xuân có lúa chiêm với diện tích chỉ còn 30%, vụ lúa xuân với diện tích lên tới 70%. Vụ mùa, có mùa sớm với diện tích 20%, mùa chính vụ 60-70%, và vụ mùa muộn 5-10%.

Ở miền nam, có vụ lúa xuân, vụ lúa hè thu, vụ mùa chính vụ.

Với nền kinh tế mới đang phát triển, một loạt các giống lúa mới đã ra đời. Mười lăm năm lại đây, chúng ta đã có những giống lúa mới bằng ba con đường: lai tạo tại chỗ, nhập nội và chọn lọc phục tráng giống hiện có. Điềm lại các giống lúa mới ổn định ở trong nam, ngoài bắc hiện nay đang phát huy tác dụng, được bà con nông dân tín nhiệm, thì tỷ lệ các giống nhập nội được chọn lọc nhiều hơn. Đây là con đường hợp lý và tương đối rẻ tiền. Cho nên cũng dễ hiểu và đúng quy luật: giống tự lai tạo trong nước ít và chậm hơn giống nhập nội, giống chọn lọc, và giống phục tráng hiện có.

Về mặt số lượng giống mới, đến nay chúng ta có:

Vụ chiêm: giống chiêm 314, NN75-1, NN75-2, NN75-3 v.v...

Vụ xuân: giống Nam Ninh, Bạch cốt hoa, Trà trung tử, Trân châu lùn, TH2, NN8, (NN8-388)

Vụ mùa sớm: 127, NN23, NN1A, NN2A, NN75-6, NN75-10, NN22.

Vụ mùa chính vụ: Mộc tuyền, Mộc khâm, Bao thai lùn.

Vụ mùa muộn: 813, 828...

Vụ hè thu miền nam: 73-2, NN3A, NN5A, NN6A v.v...

Như thế trong vòng 20 năm lại đây, xấp xỉ trên dưới 40 giống lúa mới đã được đưa ra trong sản xuất. Ở miền bắc, nhìn vào sự hiện diện rộng rãi của một số giống lúa mới, qua nhiều hợp tác xã, nhiều vùng, với một diện tích lớn tới trên 5-10 vạn ha, vào tất cả các thời vụ gieo cấy trong năm, đã hình thành một bộ giống lúa mới thích hợp, cho năng suất tốt, có tác động đáng kể vào tổng sản lượng lương thực trong nước. Chúng ta có thể đi qua nguồn gốc, đặc điểm sinh học, kỹ thuật gieo trồng của một số giống lúa mới chủ yếu (ở miền bắc) như sau:

I. Vụ lúa chiêm:

Giống 314: là giống lúa lai lại 2 lần [(BunKo x Saibui bao) x Sài đường]. BunKo gốc Nhật Bản, Saibuibao gốc Thái Lan. Năm 1953 cố bác sĩ nông học Lương Đình Của cho lai BunKo x Saibuibao, và các năm sau chọn thành giống NN₁, Đoàn kết, Thống nhất, Thắng lợi, Dân chủ. Đến năm 1961, lai lại từ Đoàn kết x Sài đường, và qua chọn lọc được dòng số 314. Giống 314 khá ổn định, cây cao 120 cm, cứng cây và chịu phân hơn các giống chiêm cũ; bông dài 20-21 cm; bình quân 80-100 hạt trên một bông; trọng lượng 1000 hạt là 25 g; thời gian sinh trưởng 180-190 ngày, gạo trắng, hạt hơi dài, ngon cơm. Năng suất có thể đạt 21-25 tạ/ha, hơn hẳn các giống chiêm cũ từ 20-30%. Những năm 1969 trở về sau, ở miền bắc, nông dân đã thay đổi hẳn các giống chiêm cũ bằng giống 314. Qua 10 năm tồn tại trên ruộng lúa chiêm, cho đến năm 1976, chưa có giống lúa chiêm nào ổn định và cho năng suất cao hơn 314 trong sản xuất đại trà.

Giống NN75-1 do Viện cây lương thực và cây thực phẩm lai tạo. Lai lại hai lần giữa IR8 x (813 x NN1) chọn được dòng 184. Năm 1977, được Bộ nông nghiệp công nhận, đặt tên NN75-1. Thời vụ gieo cấy và thời gian sinh trưởng giống như 314, nhưng năng suất cao hơn 314. Có nơi thâm canh chu đáo đạt năng suất bằng NN8. Cây cao 0,90-1m, cứng, lá đứng, chịu phân (7-10 tấn phân chuồng + 200 đến 300 kg sufat đạm). Bông dài 20-23 cm. Bình quân 100-120 hạt/1 bông, trọng lượng 1000 hạt 25-26 g. Thời gian sinh trưởng 180-190 ngày,

gạo trắng, hạt dài bầu, ít bạc bụng, ngon cơm. Mạ NN75-1 chịu rét hơn 314. Qua gieo trồng thực nghiệm ở một số hợp tác xã (đã hoàn chỉnh thủy nông, có điều kiện cấy trên 90% lúa xuân, nhưng luôn bị căng thẳng về thời vụ lúc cấy cũng như lúc gặt), đưa NN75-1 vào 15-20% diện tích để rải vụ thì thấy tổng sản lượng tăng.

Nhược điểm của NN75-1 là trong sản xuất, độ phân ly của giống tuy không nhiều nhưng vẫn còn, do đó cần tiếp tục chọn lọc hằng năm để ổn định giống.

Giống NN75-2:

Là giống lúa chiêm, do Viện khoa học nông nghiệp lai tạo từ IR₅ x 314, chọn được dòng 424. Đến năm 1977 được Bộ nông nghiệp công nhận, đặt tên là Nông nghiệp 75-2.

Thời vụ gieo cấy, thời gian sinh trưởng giống như 314, chịu phân, cứng cây, chống đổ, cho năng suất hơn 314.

Gieo cấy thực nghiệm, khu vực hóa ở một số hợp tác xã thuộc thành phố Hải Phòng được bà con nông dân ưa thích.

Giống NN75-3:

Là giống lúa chiêm, do Trường đại học nông nghiệp I lai tạo từ A₅ x Ruma 45, trước lấy tên VN10. Năm 1977 được Bộ nông nghiệp công nhận, đặt tên NN75-3.

Thời gian sinh trưởng 170-175 ngày, cây cao 1m-1,15 m, bông dài 22-23 cm, phần lớn hạt có râu (1,5 cm), trọng lượng 1000 hạt 26 g, gieo trồng thực nghiệm ở quanh vùng Gia Lâm và một số nơi ở Hà Nam Ninh v.v... đã cho năng suất cao.

Ba giống lai: NN75-1, NN75-2, NN75-3 mới được công nhận năm 1977. Hiện nay đang trong thời gian thí nghiệm khu vực hóa, cũng là thời gian thử thách, chờ đợi sự sàng lọc của thực tế sản xuất.

II. Vụ lúa xuân:

Giống NN₈ và NN8-388, nguồn gốc là giống lai tạo của Viện lúa gạo Quốc tế (IRRI Philipin) Năm 1962 lai từ PeTa (lúa tiên cao cây Ấn Độ) x Deegeo Wogen (lúa cánh thấp cây, tên là Đài Trung 1 của Đài Loan). Giống lai mang tên IR₈-288-3 gọi tắt là IR8. Năm 1967-1968 nhập vào Việt Nam chọn lọc thích nghi được mang tên NN8. Khi IR8 được kết luận, nó là giống được nhiều nơi ở vùng Đông Nam Á ưa thích, nhưng dần dần tỷ lệ diện tích giảm dần do hay bị bạc lá và rầy nâu (biotype 1) phá hoại. Riêng ở miền bắc, đây là giống lúa rất ổn định. Trong vụ xuân, thời gian sinh trưởng 160-180 ngày, cây cao 0,9-1m, bông dài 23-24 cm, bình quân 100-120 hạt bông, trọng lượng 1000 hạt là 28-30 g. Hạt dài, bầu, gạo trắng, cơm hơi cứng, chất lượng gạo trung

binh, Năng suất bình thường cho 4 - 5 tấn/ha, thâm canh tốt có thể đạt 8 - 10 tấn/ha. Từ những năm 1969 trở lại đây, giống NN8 được gieo trồng vào vụ xuân rất rộng rãi. Chỉ trong vòng 4 - 5 năm NN8 đã chiếm một diện tích hơn 50% tổng số lúa đông xuân ở miền bắc.

Đến nay chưa có một giống nào có thể hơn và thay thế hẳn cho NN8 trong vụ xuân.

Để hoàn chỉnh thêm cho giống lúa NN8 trong vụ lúa xuân, tháng 3/1968 Viện cây lương thực và cây thực phẩm đã tiến hành phân dòng: từ một lô giống NN8 rút ra 800 dòng, chọn lại làm 330 dòng, ở vụ xuân so sánh dòng loại, bỏ nhiều số, và đến năm 1971 so sánh lần thứ hai chọn được dòng mang số thứ tư 388 là dòng biểu hiện tốt nhất và được phổ cập, được nhiều nơi ưa thích vì độ thuần của giống khá cao, mạ chịu lạnh hơn, cây cao hơn NN8 bình quân khoảng 3 - 4 cm, năng suất ổn định.

Giống Trần châu lùn: nhập vào Việt Nam khoảng năm 1964 - 1965, là giống Trần châu lùn dòng 11 và 5111.

Đây là một giống lúa có thời gian sinh trưởng 130 - 150 ngày, cây cao 80 - 90 cm, bông dài 20 - 22 cm, bình quân 100 - 110 hạt/bông. Trọng lượng 1.000 hạt là 23 - 24 g, hạt bầu, bạc bụng, đập dễ rụng, gạo trắng, cơm có chất lượng trung bình. Năng suất bình thường cho 3 - 4 tấn/ha, thâm canh tốt có thể đạt 5 - 6 tấn/ha.

Trần châu lùn nhập vào Việt Nam trước NN8 vài ba năm, trong vụ lúa xuân đang phát triển, nó phát huy được tác dụng ngay và đã đẩy lùi các giống Nam Ninh. Trà trung tử và lần chiếm diện tích của các giống này. Nhưng đến khi NN8 vào miền bắc thì trong vụ lúa xuân, Trần châu lùn được xếp vào hàng thứ 2. Nếu diện tích lúa xuân là 100%, thì NN8 chiếm 75 đến 80% rồi đến Trần châu lùn 15 - 20%. Người ta thường ví: Trần châu lùn là « cái đuôi của lúa xuân », gieo cấy nó dễ kết thúc vụ lúa xuân. Vì thời vụ gieo Trần châu lùn thích hợp vào cuối tháng giêng sau lập xuân, cấy vào cuối tháng 2, thượng tuần tháng 3 (nghĩa là sau khi cấy xong NN8). Khi mạ NN8 có chiều hướng đã già, có ống, thì hợp tác xã có Trần châu lùn, mạ non đúng tuổi. Hơn nữa, vào những năm rét đậm và kéo dài, mạ NN8 bị chết rét thì trong điều kiện khắc nghiệt này, chính Trần châu lùn lại là giống phát huy tác dụng. Nó là giống dự phòng của NN8 trong vụ xuân.

Hiện nay, NN8 và Trần châu lùn đã hình thành một bộ giống lúa xuân thích hợp và ổn định. Hai giống này đi với nhau mật thiết.

III. Vụ lúa mùa sớm: giống NN23.

Nguồn gốc từ giống lúa lai chưa ổn định IR 1561 - 288-3-9 của Viện IRRI, nhập vào Việt Nam từ Cu Ba, mang số 273. Năm 1972 Viện cây lương thực và cây thực phẩm đã chọn cá thể, và hình thành dòng ổn định, được Bộ nông nghiệp công nhận năm 1974, đặt tên NN23.

Thời gian sinh trưởng 105 - 110 ngày, thấp cây (85 - 90 cm), cứng cây, chống đổ, bông dài 20 - 21 cm, trung bình 75 hạt/bông. Trọng lượng 1.000 hạt nặng 20 g hạt dài thon, gạo trong, cơm ngon, chống bệnh bạc lá khá. Tuổi mạ 5 lá, khoảng 15 - 18 ngày cấy được. Đây là một giống lúa ngắn ngày chịu phân, cho năng suất 25 - 30 tạ/ha, thâm canh tốt có thể cho 4 - 4,5 tấn/ha.

Từ năm 1971, sau trận lụt lớn ở đồng bằng sông Hồng, Bộ nông nghiệp phát động một vụ đông được nhiều nơi hưởng ứng, và đến nay đã trở thành 1 vụ sản xuất quan trọng. Để có thể tiến hành sớm vụ đông thì giống NN23 đã được bà con nông dân chọn và cho là giống thích hợp để dọn đường cho vụ đông phát triển.

Giống NN22

Nguồn gốc từ giống lai: IR8×Taludan (Taludan là giống lúa chống bệnh khá của viện IRRI qua chọn lọc, được đặt tên là IR22. Nhập vào nước ta năm 1970, được nhiều viện, trường (Viện khoa học nông nghiệp, Viện cây lương thực, Trường đại học nông nghiệp I, Viện bảo vệ thực vật) khảo sát, thí nghiệm thích nghi, chọn lọc, đã thống nhất đề nghị Bộ nông nghiệp công nhận cho dùng trong sản xuất, và được đặt tên là NN22.

Thời gian sinh trưởng 120-125 ngày, cây cao 90-100 cm, cứng cây, chịu phân, bông dài 22-23 cm, trung bình có 100-115 hạt/bông. Trọng lượng 1.000 hạt từ 22-24 g. Hạt thon dài, gạo trắng, trong, cơm ngon, Giống NN22, phản ứng trung bình với ánh sáng ngày ngắn, chống chịu bạc lá khá. Năng suất có thể đạt 3-4 tấn/ha. Đây là một giống lúa có khả năng cho năng suất cao trong vụ mùa ở miền bắc, với điều kiện cần tôn trọng thời vụ cấy, không nên vượt quá ngày 15/7, vì nếu cấy chậm vào hạ tuần tháng 7, năng suất sẽ kém sút. Hơn nữa, phải chú ý cây mạ đúng tuổi, vì cấy mạ già, thời gian sinh trưởng của lúa sẽ kéo dài 5-10 ngày.

Giống NN 75-6

Nguồn gốc do Viện cây lương thực và cây thực phẩm lai tạo, từ tổ hợp lai: IR24×IR1112-96. Là dòng số 3 trong các dòng cực ngắn của viện, được Bộ nông nghiệp công nhận năm 1977, đặt tên là NN75-6 và cho thí nghiệm khu vực hóa.

Thời gian sinh trưởng ngắn hơn NN23 (chỉ 90—95 ngày trong vụ mùa), thấp cây 80—85 cm, cứng cây, bông dài 20 cm, bình quân 70 hạt/bông, trọng lượng 1000 hạt 26—27 g, hạt thơm, dài, gạo trắng, trong, cơm dẻo thơm. Không mẫn cảm với ánh sáng ngày ngắn, chống chịu sâu bệnh trung bình. Năng suất trung bình cho 30—35 tạ/ha, ở vùng thâm canh, có thể cho 40—50 tạ/ha.

Chỉ mới hai năm trong thời gian thăm dò khu vực hóa, NN75—6 đã được nông dân rất ưa thích ở đặc tính cực ngắn ngày, ít bệnh tật, cho năng suất cao, và chất lượng cơm ngon. Nó đã lấn diện tích NN23, để giải phóng đất nhanh làm vụ đông ở đồng bằng sông Hồng. Một nhược điểm tồn tại của NN75—6 là tỷ lệ phân ly cao, cần tiếp tục chọn lọc, để làm cho giống được đồng đều và ổn định hơn.

Giống NN 75—10

Nguồn gốc do Viện khoa học và kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam lai từ tổ hợp lai NN22×NN8. Sau khi chọn lọc, lấy tên là X1, đến năm 1977 Bộ nông nghiệp công nhận và đặt tên NN75—10, cho khu vực hóa. Thời gian sinh trưởng 110—115 ngày. Cây cao 95—105 cm, bông dài 20 cm, bình quân 80 hạt/bông. Trọng lượng 1.000 hạt 27—28 g. Hạt to bầu, gạo trắng, năng suất trung bình 32—35 tạ/ha, ở vùng thâm canh có thể cho 40—50 tạ/ha.

Tuy mới đưa ra sản xuất nhưng NN75—10 đã được rất nhiều bà con nông dân miền bắc ưa thích ở đặc điểm: thích hợp với khá nhiều chân ruộng trong vụ mùa, ít bị sâu bệnh, cho năng suất cao. Tuy không cực ngắn ngày như NN75—6, nhưng dùng nó để giải phóng đất sớm làm vụ đông thì cũng thích hợp. Hiện nay NN75—10 đang cùng NN75—6 lấn chiếm diện tích của NN23.

Nói bình quân diện tích lúa mùa sớm ở miền bắc chưa vượt quá 20% thì cũng có nghĩa là có hợp tác xã đã đạt đến 60—70%, và có hợp tác xã chỉ đạt 10%, Tỷ lệ diện tích tăng hay giảm đều phụ thuộc vào điều kiện và khả năng cho phép của từng địa phương.

VI. Vụ lúa mùa chính vụ

Giống Mộc tuyền: nhập vào Việt Nam năm 1961, gieo cấy thử trên nhiều vùng ở miền bắc đã tỏ ra thích hợp.

Thời gian sinh trưởng 150—160 ngày, cây cao 110—120 cm cứng cây hơn so với giống mùa cũ, nhưng so với giống mới hiện nay thì Mộc tuyền hơi yếu cây, dễ đổ non. Bông dài từ 15—20 cm, trung bình từ 90—100 hạt/bông, trọng lượng 1.000 hạt nặng 24 g. Gạo trắng, ít bạc bụng, ngon cơm. Năng suất trung bình từ 30—35 tạ/ha. Thâm canh có thể đạt 40—45 tạ/ha. Khả năng thích ứng rộng, chống chịu sâu bệnh, chịu hạn khá; tuy nhiên

chống bệnh vàng lùn và lúa non còn yếu.

Đây là một giống có phản ứng với ánh sáng mạnh; vụ mùa cấy sớm cuối tháng 6 hoặc cấy muộn về hạ tuần tháng 8 thì chúng vẫn trổ bông từ 5/10 đến 10/10.

Hơn 19 năm qua, giống Mộc tuyền đã đứng vững ở vị trí là giống mùa chính vụ, cho năng suất ổn định. Đến nay chưa có giống mới nào có thể thay hẳn được Mộc tuyền ở đặc điểm phản ứng rất chặt với ánh sáng ngày ngắn và cho năng suất ổn định, mặc dầu nhược điểm của nó là dễ đổ, hạt có vỏ trấu mỏng, không có thời gian chín sinh lý lâu, do đó dễ mọc mầm ngay ở ruộng (nếu bị mưa ngập).

Mấy năm trước đây, khi có nhiều giống lúa mới mùa chính vụ ra đời, Mộc tuyền có chiều hướng bị xao lãng. Có nơi muốn thay nó bằng giống « Bao thai lùn » với lý do năng suất nó kém dần. Qua nhiều thí nghiệm so sánh chúng tôi thấy, ở đồng bằng sông Hồng, Mộc tuyền vẫn cho năng suất cao hơn Bao thai lùn. Sở dĩ có nơi năng suất Mộc tuyền kém Bao thai lùn, là chỉ vì ở đó nó bị lấn tạp nhiều quá.

Mười tám năm qua, nó không được phục tráng và nhân giống có hệ thống. Hàng năm cứ liên tục gieo cấy làm giống đại trà, thì việc thoái hóa là điều dễ hiểu.

Thời gian qua, một số hợp tác xã như Nguyên Xá, Tây Sơn huyện Đông Hưng (Thái Bình) nhận được giống Mộc tuyền nguyên chủng và cấp 1 của Công ty giống cây trồng trung ương về nhân và dùng trong sản xuất đã cho thấy: năng suất hơn hẳn Bao thai lùn. Do đó, nguyên nhân Mộc tuyền kém năng suất không phải bản thân giống ấy cho năng suất kém, mà chính vì nó bị lấn tạp.

Giống Bao thai lùn.

Nhập vào vùng núi Việt Bắc từ năm 1967. Thời gian sinh trưởng 160—170 ngày, cây cao từ 110—120 cm. Trọng lượng 1000 hạt từ 23—24 g, hạt bầu dài, gạo trắng, ngon cơm. Tán cây xòe, không gọn, dễ đổ.

Cũng là giống có phản ứng với ánh sáng khá mạnh như Mộc tuyền; lúa Bao thai lùn trổ chịu được rét, thích hợp với các tỉnh trung du và miền núi hơn ở đồng bằng sông Hồng.

Đây là giống lúa mới nhập vào miền bắc trên dưới 10 năm, độ lấn tạp ít hơn Mộc tuyền, nhưng cũng đã và đang lấn tạp, do đó cần phải phục tráng có hệ thống để duy trì năng suất của nó ở trung du và miền núi.

Nhìn chung 20 năm lại đây, trong sản xuất nông nghiệp, những giống lúa mới đã phát huy tác dụng lớn trong việc nâng tổng sản

lượng lương thực của nước ta. Ở miền bắc, trên tuyết đại đa số diện tích, đều dùng các loại giống lúa mới thích hợp với thời vụ từng địa phương, cho năng suất cao.

Đến nay tuy ta đã có một bộ giống lúa mới tương đối hợp lý ở từng địa phương, nhưng đó là một sự chuyển biến tự phát, nó chưa được chỉ huy và tổ chức một cách chặt chẽ và có kế hoạch. Nói cách khác, công tác quản lý nói chung và quản lý kỹ thuật giống cây trồng nói riêng chưa đi vào nề nếp. Vấn đề chính là tổ chức và lề lối làm việc. Từ lâu, bốn khâu thiết yếu trong việc quản lý giống là « tạo giống mới, khảo nghiệm giống, sản xuất giống, và kiểm tra — kiểm nghiệm giống », chưa được chỉ đạo chặt chẽ.

Ở khâu thứ nhất, các cơ quan nghiên cứu, viện, trường, trạm trại thí nghiệm, thực nghiệm đã được phân công đảm nhiệm, nên nhiều giống lúa mới từ đấy mà ra. Nhưng, một giống lúa mới ở một cơ quan nghiên cứu làm ra mới chỉ là « hàng mẫu », nó phải được đưa qua khâu thứ hai — khâu khảo nghiệm giống Nhà nước — do Trung tâm khảo nghiệm giống, với mạng lưới từ trung ương đến địa phương để thí nghiệm so sánh khu vực hóa, có kết luận đánh giá chính xác giá trị của giống mới, sau đó mới trình Bộ trưởng Bộ nông nghiệp đặt tên và duyệt kế hoạch (nhân, phát triển) trong sản xuất đại trà. Khâu thứ hai này từ lâu chưa có bộ máy đảm nhận, do đó tình trạng sử dụng giống mới rất tùy tiện. Cụ thể là: ai cũng có quyền đưa một giống mới vào sản xuất theo sự hiểu biết chủ quan của mình; tác giả làm ra giống lúa mới là tập thể hay cá nhân, tự mình đưa đi khu vực hóa, tự mình nhân lấy, chọn lấy địa phương đưa giống mới vào sản xuất rộng. Địa bàn các hợp tác xã là nơi thí nghiệm, thăm dò

giống mới, không có một quy chế, một điều khoản nào ràng buộc giữa hợp tác xã làm giống mới với tác giả đưa giống mới cho họ thử. Do đó, nhiều trường hợp đáng tiếc đã xảy ra. Một số hợp tác xã qua 2 — 3 vụ làm giống mới đã bị thua thiệt, và phải trả một giá đắt. Tác giả đưa giống mới không có trách nhiệm vật chất ở cơ sở sản xuất thử này. Sự thiệt thòi chỉ rơi vào hợp tác xã và người xã viên. Chưa bao giờ người đưa giống mới cho hợp tác xã làm thử bị hồng lại phải đền bù hoặc phải bị kỷ luật. Tình trạng đưa ra gần 40 giống lúa mới trong hai chục năm qua là một sự lãng phí ta có thể tránh được.

Đã đến lúc cần thiết phải tổ chức Trung tâm khảo nghiệm giống Nhà nước, với mạng lưới rộng khắp ở các địa phương, để làm trọng tài trong việc sử dụng giống mới. Trước mắt, phải tập trung vào giống lúa. Cơ quan hoặc cá nhân làm ra giống mới, không được tự tiện đi khảo nghiệm và nhân giống của mình trong sản xuất. Việc sử dụng, cho lưu hành, hay loại bỏ giống mới là quyền của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp.

Khi một giống lúa mới đã được Trung tâm khảo nghiệm giống Nhà nước kết luận và được Bộ trưởng Bộ nông nghiệp duyệt y, thì bộ máy sản xuất giống (tức là Công ty giống cây trồng trung ương) chịu trách nhiệm tổ chức hệ thống phục tráng, nhân giống từ trung ương đến địa phương; sản xuất ra giống đủ tiêu chuẩn phục vụ cho sản xuất đại trà.

Cho nên, việc hoàn thiện hơn nữa một bộ giống lúa mới, phục vụ đặc lực cho sản xuất nông nghiệp là một việc phải làm chủ động và có kế hoạch cụ thể, không thể để phó mặc cho sự lựa chọn tự nhiên của người sản xuất.

NHỮNG NGƯỜI VIẾT BÀI TRONG SỐ NÀY

- | | |
|---------------------------|---|
| Tống Duy An | — Vụ Xây dựng giao thông thủy lợi Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước, |
| Nguyễn Văn Ban | — Cán bộ nghiên cứu Viện luyện kim màu. |
| Tạ Quang Bửu | — Nguyên Bộ trưởng Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp. |
| Nguyễn Trần Dương | — Vụ phó Vụ tổng hợp kế hoạch Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước. |
| Vũ Tuyên Hoàng | — Viện trưởng Viện cây lương thực và cây thực phẩm. |
| Cao Văn Hồng | — Cán bộ nghiên cứu Viện luyện kim màu. |
| Ju. a. ovchinnikov | — Viện sĩ — Viện hàn lâm khoa học Liên Xô. |
| Nguyễn Tử Qua | — Viện phó Viện toán kinh tế Ủy ban kế hoạch Nhà nước. |
| Hồ Đắc Song | — Chủ nhiệm Công ty giống cây trồng Trung ương. |